

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 199/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đinh Thành Công;

- Ông Cao Văn Vạn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Trung Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thùy T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Bùi Thị Thùy T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, thông qua người làm mai, có thời gian quen nhau khoảng 01 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình chị. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống do vợ chồng không hòa hợp tính tình, anh H buộc chị về bên gia đình anh H sống nhưng chị không đồng ý vì

còn phải chăm sóc cha mẹ do mẹ chị bị bệnh không có người nuôi. Và cũng từ năm 2021 đến nay, chị và anh H không còn liên lạc nhau, anh H không trở về chung sống, chỉ có dịp lễ, tết thì có rước con về bên nhà anh H chơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con là cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 23-3-2009 và Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 15-01-2016 hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn, anh Nguyễn Văn H:* Đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt tại các phiên họp.

Tại phiên tòa,

- Chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến, theo đó việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, đương sự thực hiện đúng theo qui định. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Bùi Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn H tranh chấp về ly hôn; anh H có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Nguyễn Văn H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo chị T trình bày, chị và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Theo văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C và Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xác nhận giữa chị T, anh H không có đăng ký kết hôn. Xét trường hợp chung sống như vợ chồng giữa chị T, anh H không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật. Do đó,

việc chung sống như vợ chồng giữa chị T, anh H chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, nay chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo chị T trình bày, chị và anh H có 02 con là cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 23-3-2009 và Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 15-01-2016, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị T, anh H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao các con cho chị T nuôi là phù hợp, do chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy T là nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thùy T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 23-3-2009 và Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 15-01-2016 cho chị Bùi Thị Thùy T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng do chị T chưa yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002913 ngày 09-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị T đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã AD, huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**